



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

**QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN THỜI
CƠ CỦA ĐẢNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC
DÂN PHÁP (1945 - 1954)**

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số: 62 22 03 15

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội – 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Nguyễn Mạnh Hà

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ
hợp tại:.....

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Hùng Cường (2020), “Bài học kinh nghiệm từ Cách mạng Tháng Mười Nga với nhiệm vụ củng cố Chính quyền sau Cách mạng Tháng Tám”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội* (số đặc biệt)
2. Nguyễn Hùng Cường (2020), “Đảng lãnh đạo thực hiện thời cơ giải quyết cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp bằng biện pháp hòa bình giai đoạn 1945-1946”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (177).
3. Nguyễn Hùng Cường (2020), “Đảng nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (12).
4. Nguyễn Hùng Cường (2022), “Chủ trương củng cố Chính quyền sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và kinh nghiệm đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội* (số đặc biệt - kỳ 2).
5. Nguyễn Hùng Cường (2022), “A comentary on the fortune, status and opportunities of VietNam today”. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ nhất về các vấn đề khoa học xã hội và nhân văn*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
6. Nguyễn Hùng Cường (2022), “Directive of assembling the revelutionary forces, identifying, transforming and seizing the opportunity to take back power into the hands of the people of the communist party of Vietnam period 1939-1945” *Tạp chí Экономика и социум, Liên bang Nga*, (102).
7. Nguyễn Hùng Cường (2022), “Vietnam - Russia relations - 70 years of historical milestones” *Tạp chí Экономика и социум, Liên bang Nga*, (103).

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thời cơ là sự kết hợp những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi để biến khả năng thành hiện thực. Trong lịch sử nhân loại cũng như lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, đã có rất nhiều minh chứng nói nên tầm quan trọng của việc nhận thức và thực hiện thời cơ. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một điển hình. Ngay khi Chiến tranh Thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã dự báo về thời cơ vùng lên giải phóng dân tộc và chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng, coi giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu và lãnh đạo nhân dân gấp rút chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Thắng lợi của Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám là minh chứng cho kết quả của quá trình nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ cách mạng của Đảng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên phân tích tình hình, nhận định thời cơ và tích cực lãnh đạo thực hiện thời cơ cách mạng. Đây là nhân tố quan trọng góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Cho đến nay, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam, vẫn là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều học giả, nhà nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước. Tuy nhiên, vấn đề Đảng đánh giá, nhận định thời cơ của cuộc kháng chiến vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu, đề cập tới một cách hệ thống và chuyên sâu. Vấn đề nhận thức và thực hiện thời cơ luôn có tính thời sự cả trong thời kỳ có chiến tranh cũng như trong hòa bình. Vì thế, nghiên cứu vấn đề này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Chính vì thế, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Quá trình nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)”*** làm đề tài luận án. Nghiên cứu sinh hy vọng đề tài sẽ góp phần làm sáng rõ quá trình Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức, đánh giá về thời cơ và lãnh đạo thực hiện thời cơ, từ đó rút ra vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của quá trình nhận thức thời cơ, vai trò của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi hoàn toàn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nghiên cứu làm sáng tỏ quá trình Đảng nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954); rút ra những kinh nghiệm để vận dụng vào nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến nội dung luận án.
- Làm rõ những yếu tố tác động đến nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).
- Trình bày quá trình Đảng nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).
- Nêu một số nhận xét, kinh nghiệm về quá trình Đảng nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu nhận thức, chủ trương, sự chỉ đạo thực hiện thời cơ của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu quá trình nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ của Đảng từ năm 1945 đến năm 1954, trong đó tập trung nghiên cứu, làm rõ các nội dung chủ yếu: sự nhận thức của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thời cơ; chủ trương của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thực hiện thời cơ; quá trình chỉ đạo triển khai thực hiện thời cơ; những kết quả đạt được cũng như những hạn chế của Đảng về vấn đề này trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tập trung vào 2 giai đoạn 1945-1950 và 1951-1954.

- *Về không gian nghiên cứu:* Chủ yếu ở Việt Nam và một số nước có liên quan như: Pháp, Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc...

- *Về thời gian nghiên cứu:* từ năm 1945 đến năm 1954

4. Cơ sở lý luận, nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thời cơ

cách mạng, về độc lập dân tộc, về phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, mối quan hệ quốc tế; quân sự và ngoại giao trong chiến tranh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu luận án là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh còn sử dụng các phương pháp như: phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp khảo sát, phương pháp phân tích và tổng hợp, các phương pháp phê phán sử liệu và phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học Lịch sử Đảng là sử dụng các văn bản nghị quyết, chỉ thị của Đảng làm cơ sở đối chiếu với sự kiện, nhân vật lịch sử trong thực tiễn để phân tích, đánh giá.

5. Nguồn tư liệu

Luận án sử dụng nguồn tư liệu từ các nghị quyết, chỉ thị, báo cáo của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Tổng Quân ủy, Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng Tham mưu đã được công bố trong *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Hồ Chí Minh toàn tập*. Đồng thời, tác giả luận án cũng khai thác tài liệu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng; Phòng Tư liệu Viện Lịch sử Đảng; sách, tư liệu, tài liệu đã xuất bản của Việt Nam và một số nước khác như Pháp, Mỹ, Anh, Trung Quốc, Liên Xô..., các tư liệu, bài viết của một số nhân chứng lịch sử, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước... Trong quá trình thực hiện luận án, nghiên cứu sinh cũng tham khảo những công trình nghiên cứu, những hồi ký có liên quan đến vấn đề mà luận án đề cập đã được công bố trong các cuốn sách, tạp chí chuyên ngành, các kỷ yếu hội thảo khoa học, luận án, luận văn.

6. Những đóng góp của luận án

- Hệ thống hóa nhận thức về thời cơ, chủ trương của Đảng nhằm thực hiện thời cơ trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954.

- Góp phần làm rõ quá trình Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo thực hiện các thời cơ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

- Bước đầu rút ra các nhận xét, kinh nghiệm về quá trình nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ý nghĩa thực tiễn đối với công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Là tài liệu tham khảo đối với việc nghiên cứu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) nói riêng và nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

1.1.1.1. Các công trình trong nước

Cuốn *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi và bài học* của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ Chính trị. [2] Cuốn sách tập trung làm rõ quá trình phát triển của cuộc kháng chiến, sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh của Đảng. Đây là công trình được nghiên cứu và soạn thảo công phu của tập thể tác giả.

Cuốn *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975, thắng lợi và bài học* của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ Chính trị. [3] Cuốn sách đã trình bày khái quát những sự kiện, tiến trình lịch sử chủ yếu; những nhận định, đánh giá và đúc kết những bài học cơ bản về sự lãnh đạo của Đảng trong 30 năm chiến tranh cách mạng.

Công trình *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, của Bộ Quốc phòng [177] gồm 7 tập xuất bản trong các năm từ 2001 đến 2017 của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam đã phản ánh hệ thống, bao quát tất cả các chiều cạnh của cuộc kháng chiến.

Bộ sách *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* là công trình thông sử về cuộc kháng chiến, một bộ sách có hàm lượng khoa học cao, có giá trị cho quá trình tìm hiểu, nghiên cứu toàn diện về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 10 của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam [19] Đây là tập sách viết về Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam trong bối cảnh lịch sử và đối tượng chiến đấu mới, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kháng chiến, lực lượng kháng chiến và nghệ thuật quân sự đều có những bước phát triển so với trước đó.

Tổng tập Hồi ký của Võ Nguyên Giáp [48] gồm 1.358 trang tập hợp những tập hồi ký của Đại tướng ở những thời điểm mang tính chất bước ngoặt của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chính sách chính trị, quân sự của Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1945-1954 và nguyên nhân thất bại của Nguyễn Mạnh Hà [66]. Tác giả đã đi sâu phân tích chính sách chính trị, quân sự của thực dân Pháp nhằm nhanh chóng áp đặt trở lại chế độ thống trị thực dân đối với Việt Nam, và những nguyên

nhân thất bại của chính sách chính trị, quân sự của thực dân Pháp trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn được đề cập tới trong nhiều bài tạp chí, báo và hội thảo khoa học.

1.1.1.2. Các công trình của tác giả nước ngoài

Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương của nhà sử học quân sự Pháp Yvor Gra (Général Yves Gras, *Histoire de la guerre d'Indochine*), Hoàng Thanh Quang dịch [145], lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, dày hơn 1000 trang, là một công trình khoa học đồ sộ của một học giả có đánh giá, nhìn nhận độc lập, cụ thể và bao quát toàn bộ cuộc chiến tranh Đông Dương, đặc biệt là về nguồn gốc, trách nhiệm đề nổ ra chiến tranh của phía Pháp.

Cuốn *Sự mù quáng của tướng Đờ Gôn đối với cuộc chiến ở Đông Dương* của Đại tá Pie Quapoanh, dịch giả Đặng Văn Việt [180] đã phân tích về nguồn gốc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và những hậu quả của cuộc chiến mà phía Pháp đã gây ra.

Cuốn *Việt Nam 1946, chiến tranh bắt đầu như thế nào?* của Stein Tonnesson [146] lột tả bản chất, thái độ, quyết tâm của quan chức Pháp tại Đông Dương cố tình phá bỏ, từ chối những thời cơ hoà đàm, hợp tác với Việt Nam, buộc Việt Nam phải nổ súng trước để tạo ra cái cớ kéo nước Pháp vào chiến tranh.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến quá trình Đảng nhận thức, lãnh đạo thực hiện thời cơ trong kháng chiến chống thực dân Pháp

1.1.2.1. Các công trình trong nước

Tổng kết 50 năm đấu tranh trên mặt trận ngoại giao của Đảng và Nhà nước Việt Nam 1945-1995, tập I (1945-1975), Học viện Quan hệ quốc tế [80] đã đề cập đến đấu tranh ngoại giao trong thời kỳ giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954 góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Mấy vấn đề chỉ đạo chiến lược trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975), Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. [17] Cuốn sách cho thấy những nhận thức về thời cơ, thực hiện thời cơ của Đảng ở một số thời điểm cụ thể của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đấu tranh ngoại giao trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945-1954), Học viện Quan hệ quốc tế. [82] Cuốn sách tập trung phân tích về bài học “đánh giá đúng tình hình, nhận rõ âm mưu địch” là một ví dụ tiêu biểu cho giá trị của cuốn sách đối với quá trình nghiên cứu sinh luận giải các vấn đề mà luận án đặt ra.

Cuốn *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nguyễn Dy Niên [132] đã từng bước đề cập, khẳng định chủ trương, nỗ lực thực hiện sách lược ngoại giao vì hoà bình, ngăn chặn chiến tranh xảy ra trên cơ sở nhận định, đánh giá rõ những yếu tố, thời cơ thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao.

Cuốn *Ngoại giao Việt Nam từ Việt Bắc đến Hiệp định Giơnevơ* của Nguyễn Phúc Luân [116] góp phần làm rõ hơn các hoạt động ngoại giao giai đoạn 1945-1954.

Ngoài ra, còn một số công trình nghiên cứu khác và trên các tạp chí cũng đăng tải nhiều bài viết phân tích những khía cạnh cụ thể về tình hình quốc tế, trong nước, về nhận định thời cơ, chủ trương, sách lược thực hiện thời cơ của Đảng ở mỗi thời điểm trong cuộc kháng chiến.

1.1.2.2. Các công trình của tác giả nước ngoài

Câu chuyện về một nền hoà bình bị bỏ lỡ, của Jean Sainteny - thiếu tá tình báo Pháp do Lê Kim dịch [105]. Với độ dày hơn 300 trang cuốn sách trình bày những sự kiện liên quan trực tiếp đến quan điểm, thái độ, hoạt động của Hồ Chí Minh, Việt Nam nhằm tìm mọi cách thương lượng với Pháp mong tránh chiến tranh xảy ra...

Từ tình cảm trân trọng của tác giả với Hồ Chí Minh, năm 1970, Jean Sainteny cho ấn hành tiếp cuốn "*Face à Ho Chi Minh*" (*Đối diện với Hồ Chí Minh*) [186], trình bày khá rõ những nỗ lực của Hồ Chí Minh nhằm tranh thủ các thời cơ và thái độ thiếu thiện chí hợp tác của Pháp.

Cuốn *Paris - Saigon - Hanoi, tài liệu lưu trữ về cuộc chiến tranh 1944-1947*, xuất bản tại Pari năm 1988 của Ph.Devillers, do Hoàng Hữu Đản dịch [33]. Đây là công trình khoa học lý giải nguyên nhân, nguồn gốc của cuộc chiến tranh Đông Dương.

Ngoài ra, còn một số tài liệu của một số học giả khác, ở những mức độ khác nhau đã thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo, cách nhìn nhận, đánh giá về cuộc chiến tranh của chính quyền thực dân Pháp và thái độ, quan điểm của Việt Nam, Hồ Chí Minh trong nỗ lực thực hiện các thời cơ để tránh chiến tranh và tìm cách sớm kết thúc cuộc chiến tranh.

1.2. KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT

1.2.1. Kết quả các công trình nghiên cứu

Các công trình nêu trên đã phân tích, đề cập tới một số nội dung cơ bản như: diễn biến, kết quả cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; âm mưu, thủ đoạn, đặc điểm, tình hình và sự bất ổn, mâu thuẫn trong nội bộ giới cầm quyền, chính phủ Pháp đối với vấn đề Đông Dương, chiến tranh ở Việt Nam; quan điểm, thái độ các nước, các lực lượng như Anh, Liên Xô, Trung Hoa Dân quốc, Trung Quốc, Mỹ... đối với cuộc chiến tranh

Đông Dương; sách lược của Việt Nam đối với từng lực lượng, đối tượng kẻ thù; tư tưởng nhất quán trong đường lối kháng chiến của Việt Nam giai đoạn 1945-1954 nhằm tranh thủ mọi thời cơ có thể để tránh chiến tranh, hoặc sớm kết thúc chiến tranh; những khả năng, cơ hội có thể tránh được chiến tranh nếu phía Pháp thành thực thiện chí hợp tác; nguồn gốc, nguyên nhân bùng nổ sự kiện ngày 19/12/1946 và cuộc chiến tranh Đông Dương, về Hội nghị Giơnevơ.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết

Hiện chưa có công trình nghiên cứu, luận án nào đề cập tới quá trình nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954. Vì thế, luận án sẽ tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản sau:

- Góp phần làm rõ hơn bối cảnh tình hình cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, từ đó chỉ rõ nguyên nhân bùng nổ cuộc chiến tranh phần lớn là do sự thiếu thống nhất về quan điểm đối với cuộc chiến, vai trò của Pháp ở Việt Nam, Đông Dương trong nội bộ Chính phủ, giới cầm quyền Pháp, đặc biệt là sự cố tình gây chiến của những người đứng đầu về chính trị, quân sự của Pháp ở Việt Nam.

- Phân tích, làm rõ quá trình nhận thức của Đảng về thời cơ và chỉ đạo thực hiện thời cơ trong suốt cuộc kháng chiến.

- Tập hợp, hệ thống sự chỉ đạo thực hiện thời cơ của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954

- Khẳng định vị trí, vai trò, hoạt động và nỗ lực to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt quá trình tìm kiếm, thực hiện các thời cơ của cuộc kháng chiến.

- Rút ra một số nhận xét, đánh giá về kinh nghiệm về quá trình Đảng đề ra chủ trương, chỉ đạo thực hiện thời cơ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954.

Tiểu kết chương 1

Từ nhiều nguồn tư liệu phong phú, với các cách tiếp cận khác nhau, tổng quan tình hình nghiên cứu đã luận giải rõ hơn về nguyên nhân, bản chất, kết cục, vai trò, trách nhiệm của Pháp và sự kiên cường, chính nghĩa của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến. Song, nhiều vấn đề liên quan đến cuộc chiến dường như vẫn chưa được làm rõ: tại sao chiến tranh xảy ra, có phải Việt Minh nổ súng trước vào tối 19-12-1946 là nguyên nhân làm bùng nổ chiến tranh hay không và có những cơ hội nào có thể tránh được cuộc chiến tranh này hay không vẫn là những khoảng trống cần nghiên cứu, làm rõ. Với nguồn tư liệu nêu trên, tác giả luận án có nhiều vấn đề có thể tham khảo, kế thừa để từ đó tiếp tục luận giải những nội dung về quá

trình nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954 và rút ra những nhận xét, kinh nghiệm về sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng đối với vấn đề hấp dẫn này.

Chương 2: ĐẢNG NHẬN THỨC VÀ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN THỜI CƠ GIAI ĐOẠN 1945-1950

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN NHẬN THỨC VÀ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN THỜI CƠ CỦA ĐẢNG

2.1.1. Bối cảnh tình hình

2.1.1.1. Tình hình quốc tế

Chiến tranh thế giới lần thứ hai để lại hậu quả nặng nề đối với hầu hết các dân tộc trên thế giới, làm cho toàn nhân loại đứng trước những biến đổi quan trọng của thời kỳ mới như sự ra đời tổ chức Liên hợp quốc; Liên Xô nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, giúp các nước Đông Âu xây dựng chế độ mới; cuộc xung đột giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc; sự phát triển vượt bậc về kinh tế, quốc phòng và thái độ của Mỹ đối với việc thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Đông Dương. Nước Pháp cũng bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, một số quan chức trong Chính phủ Pháp có những quan điểm mâu thuẫn, khác nhau trong cách thức, con đường Pháp quay trở lại Đông Dương.

2.1.1.2. Tình hình trong nước

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời còn non nớt, yếu ớt, thiếu thốn, khó khăn đã phải đối phó với thù trong giặc ngoài. Chính quyền mới ra đời còn non trẻ đã đứng trước những khó khăn về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Vận mệnh của chính quyền, của dân tộc bị đặt trọng tình thế hiểm nghèo ví như “ngàn cân treo sợi tóc”.

2.1.2. Thực tiễn Đảng nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám

Tháng 9-1939, Chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ, thời cơ giành độc lập cho các dân tộc thuộc địa xuất hiện, Đảng kịp thời đề ra, từng bước hoàn thiện chủ trương đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và lãnh đạo quần chúng nhân dân gấp rút chuẩn bị những điều kiện tiến tới giải phóng dân tộc. Năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, phần thắng nghiêng hẳn về phe Đồng minh. Ngày 9-3-1945,

phát-xít Nhật làm đảo chính. Ngay khi Nhật lật đổ Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp, ra chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, đã nhận định những thời cơ thuận lợi có thể tiến hành Tổng khởi nghĩa và phát động phong trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Ngày 15-8-1945, phát xít Nhật chính thức đầu hàng Đồng minh, Đảng khẳng định, tình thế cách mạng đã xuất hiện, đây là cơ hội giải phóng dân tộc ngàn năm có một và lập tức phát động tổng khởi nghĩa. Chỉ trong vòng chưa đầy nửa tháng, tổng khởi nghĩa đã bùng nổ và giành thắng lợi trên cả nước.

2.2. ĐẢNG NHẬN THỨC THỜI CƠ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP 1945-1950

Ngay sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, các lực lượng Đồng minh đưa quân vào Đông Dương, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam. Điều này đã được Đảng dự báo từ trước và chuẩn bị thực lực để đối phó.

Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương ra chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, nhận định khả năng có thể giải quyết cuộc chiến tranh xâm lược trở lại của thực dân Pháp bằng con đường hòa bình. Từ nhận định trên, Đảng chủ trương hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân Quốc ở miền Bắc, tập trung lực lượng vào miền Nam, ngăn cản thực dân Pháp mở rộng địa bàn xâm lược.

Ngày 3-3-1946, trong văn kiện *Tình hình và chủ trương*, sau khi phân tích kỹ âm mưu, thái độ của Anh, Mỹ, Trung Hoa Dân Quốc và Pháp sau khi Pháp và Tưởng ký Hiệp ước Hoa - Pháp Đảng nhận định: ...Thực ra bọn Pháp cũng muốn dần xếp với ta bởi một là cuộc kháng chiến của ta làm cho chúng hao tổn; hai là phong trào phản chiến này nổ trong nhân dân và quân đội Pháp; ba là nhân dân Pháp và Chính phủ Goanhe (trong đó Cộng sản và Xã hội chiếm đa số) không muốn kéo dài cuộc đổ máu ở Đông Dương; bốn là chính Anh, Mỹ cũng sợ cuộc chiến đấu giành độc lập của Đông Dương và Nam Dương kéo dài thì ảnh hưởng của nó sẽ đẩy mạnh thêm phong trào đòi độc lập ở các thuộc địa khác nhất là Ấn Độ. Từ nhận định trên, ta chủ trương hòa hoãn với Pháp, đẩy quân Tưởng về nước và chuẩn bị đối phó với Pháp lâu dài. Ngày 6-3-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Pháp bản *Hiệp định Sơ bộ*.

Sau khi ký *Hiệp định Sơ bộ*, cuộc đàm phán của hai bên tiếp tục diễn ra nhưng không đạt kết quả mong muốn, quan hệ Việt Pháp trở nên căng thẳng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trong chuyến thăm nước Pháp đã tiếp tục ký với Chính phủ Pháp bản *Tạm ước* (14-9-1946), tiếp tục nhân nhượng

cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa. Trong Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng ngày 19-10-1946, khi nhận xét về bản *Tạm ước*, Đảng chỉ rõ “phải nhận định nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”. Như vậy, đến thời điểm này, Đảng nhận thức thời cơ giải quyết cuộc chiến tranh xâm lược trở lại của thực dân Pháp bằng giải pháp hoà bình không còn nhiều và phải sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp có nhiều hành động khiêu khích, lần tới, thể hiện dã tâm xâm lược nước ta. Ngày 12-12-1946, Đảng ra chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*. Trong chỉ thị, Đảng dự báo cuộc kháng chiến sẽ trải qua ba giai đoạn: giai đoạn phòng ngự, giai đoạn cầm cự và giai đoạn phản công.

Từ 18 đến 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp mở rộng tại Vạn Phúc (Hà Đông), quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.

Ngày 10-9-1947, Bôla - Cao ủy Pháp ở Đông Dương đọc diễn văn ở Hà Đông, tuyên bố lập trường của Pháp đối với Việt Nam. Sau bài phát biểu của Bôla, ngày 15-9-1947, Ban Thường vụ Trung ương ra chỉ thị *Bôla nói gì? Ta phải làm gì* chủ trương phải chuẩn bị mọi mặt để phá những cuộc tấn công lớn của địch.

Thực hiện âm mưu *đánh nhanh thắng nhanh*, thực dân Pháp đã tập trung lực lượng mở cuộc tấn công lớn lên Việt Bắc từ ngày 7-10-1947. Năm được kế hoạch tiến công Việt Bắc của kẻ thù, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *Phải phá cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp*.

Năm 1948, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bước sang năm thứ ba. Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp mở rộng từ ngày 15 đến ngày 17-1-1948, nhận định ta đã triển khai được thế trận cả nước đánh giặc, đã đánh bại được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của kẻ thù... Hội nghị chủ trương đẩy mạnh kháng chiến trên mọi mặt quân sự, chính trị, kinh tế...

Đầu năm 1949, tiếp tục tổng kết tình hình, hoạch định chủ trương lãnh đạo kháng chiến, từ ngày 14 đến ngày 18-1-1949, Đảng tổ chức Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu. Đảng nhận định, ta càng đánh càng mạnh, Pháp càng đánh càng suy nhược. Đảng xác định những nhiệm vụ cần kíp trước mắt của năm mới là tiếp tục chiến lược cầm cự “và chuẩn bị tổng phản công”.

Sang năm 1950, cuộc kháng chiến đã bước sang năm thứ năm với sự trưởng thành vượt bậc, cách mạng Trung Quốc thành công ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam, thực dân Pháp rơi tình thế khó khăn và ngày càng

phụ thuộc vào đế quốc Mỹ, Đảng nhận định, năm 1950 là năm chúng ta có thể chuyển mạnh sang tổng phản công.

Tại Hội nghị toàn quốc của Đảng lần thứ ba, việc dự báo cơ hội tổng phản công được Đảng hiện thực hóa trong Báo cáo chính trị *Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang giai đoạn tổng phản công* do đồng chí Trường Chinh.

Tháng 7-1950, Tổng Bí thư Trường Chinh viết hai bài báo: *Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công* và *Chúng ta đã làm gì và còn phải làm gì để chuyển sang giai đoạn mới?* đăng trên Tạp chí Cộng sản, số 1, tháng 7-1950, giải thích rõ để tránh những nhận thức sai lầm về “tổng phản công” và chỉ rõ những nhiệm vụ mà chúng ta phải tiếp tục thực hiện để chuẩn bị cho tổng phản công.

2.3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN THỜI CƠ GIAI ĐOẠN 1945-1950

2.3.1. Tìm cách liên lạc, tranh thủ thái độ của Mỹ

Khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai chuẩn bị kết thúc, nhận thức rõ thái độ của Mỹ đối với khả năng Pháp quay trở lại xâm lược Đông Dương, Việt Nam đã chủ động tạo lập những quan hệ với quân đội Mỹ. Từ tháng 9-1945 đến tháng 2-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư, điện, công hàm cho Tổng thống và Ngoại trưởng Mỹ, đề nghị Mỹ công nhận nền độc lập của Việt Nam. Do sự thay đổi trong tính toán chiến lược của Mỹ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai nên những nỗ lực của phía Việt Nam không được đáp ứng.

2.3.2. Tìm cách liên lạc, tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh liên tục gửi các bức điện, công hàm đến Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, Chính phủ và Bộ Ngoại giao Liên Xô để thông tin về tình hình cách mạng Việt Nam, nói rõ nguyện vọng, mong muốn của Việt Nam muốn nhận được sự công nhận, ủng hộ từ Liên Xô. Tuy nhiên, do những lý do chủ quan, khách quan nên Việt Nam đã không nhận được hồi âm từ phía Liên Xô. Mặc dù vậy, nó đã có những tác động nhất định đến dư luận Liên Xô và Liên Xô đã bắt đầu lên tiếng yêu cầu Liên hợp quốc can thiệp giải quyết vấn đề độc lập cho các dân tộc vốn là thuộc địa của đế quốc, thực dân.

2.3.3. Chủ trương thực hiện nhân nhượng, hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân Quốc và quân Pháp để tranh thủ thời cơ

Sau Cách mạng Tháng Tám, trong bối cảnh cùng lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, để tranh thủ thời cơ giải quyết cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp bằng biện pháp hòa bình, Đảng chủ trương thực hiện sách lược hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân Quốc ở miền Bắc.

Chủ trương của Đảng đối với thực dân Pháp lúc này vẫn là độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế, thực hiện khẩu hiệu: “Pháp - Việt thân thiện”. Sau khi Tưởng và Pháp ký *Hiệp ước Hoa - Pháp* (28-2-1946), ngày 3-3-1946, Ban Thường vụ Trung ương đã họp và đưa ra chủ trương hòa với Pháp nhằm đẩy quân Tưởng về nước, tránh tình thế cùng lúc đối đầu với nhiều kẻ thù, bảo toàn lực lượng, tranh thủ thời gian hòa hoãn để củng cố Chính quyền và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến. Thực hiện chủ trương trên, ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Chính phủ Pháp bản *Hiệp định sơ bộ* (6-3-1946) và bản *Tạm ước* (14-9-1946). Tuy nhiên, những nỗ lực tìm giải pháp hòa bình của Việt Nam đều bị tư tưởng hiếu chiến của bộ phận thực dân Pháp phản động phá bỏ.

2.3.4. Tìm cách tranh thủ các lực lượng tiến bộ Pháp phản đối chiến tranh

Với nước Pháp, Việt Nam luôn tỏ rõ thiện chí muốn hợp tác, hòa bình, tránh chiến tranh. Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* của Đảng ngày 3-3-1946 đã nêu rõ cần liên lạc mật thiết ngay với Đảng Cộng sản Pháp để thực hiện hành động chung giữa ta và các đồng chí Pháp. Ngày 20-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi những người Pháp ở Đông Dương hãy vì hoà bình mà chấm dứt đổ máu vô ích, đồng thời khẳng định: “Chúng tôi chiến đấu cho nền độc lập của chúng tôi, chúng tôi chiến đấu chống sự đô hộ của Pháp mà không chống những người Pháp lương thiện”¹

2.3.5. Xây dựng thực lực để tạo ra thời cơ

Dự báo, nhận định thời cơ có vai trò quan trọng quyết định đến thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến, tuy nhiên, không phải lúc nào thời cơ thuận lợi cũng xuất hiện và cách mạng đều tận dụng được các thời cơ đó, vì thế, việc nhận định đúng thời cơ và chuẩn bị mọi mặt, xây dựng thực lực để đón nhận, thực hiện thời cơ một cách hiệu quả là điều vô cùng quan trọng. Bởi thế, ngay khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, Đảng vừa lãnh đạo quân dân ta tiến hành kháng chiến ở Nam Bộ, vừa tập trung xây dựng thực lực mọi mặt, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc để xây dựng thực lực cho cách mạng.

2.3.6. Phối hợp với cách mạng Trung Quốc, Lào, Campuchia

Với quan niệm “giúp bạn là mình tự giúp mình”, vượt lên thực tế khó khăn, những năm 1945-1946, khi cách mạng Trung Quốc cần sự giúp đỡ, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã sẵn sàng đồng cam cộng khổ cùng góp phần vào thắng lợi của cách mạng Trung Quốc.

¹ Hồ Chí Minh (2011), toàn tập, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.67

Với Lào và Campuchia, tình đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc chống kẻ thù chung dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã đem lại nhiều kết quả trong suốt quá trình đấu tranh giành chính quyền.

2.3.7. Mở rộng quan hệ ngoại giao tạo thế và lực mới cho cách mạng

Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Đón nhận cơ hội mở rộng quan hệ ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới. Đây là thắng lợi rất quan trọng, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam không còn đơn độc, đã bắt đầu có được sự công nhận, ủng hộ về tinh thần, vật chất... của bạn bè quốc tế, đặc biệt là của Liên Xô, Trung Quốc. Cuộc kháng chiến của Việt Nam đứng trước cơ hội lớn được giúp đỡ và phá thế bị bao vây.

2.3.8. Chủ động mở Chiến dịch Biên Giới Thu - Đông 1950

Nối tiếp thành công trong những năm kháng chiến, năm 1950, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tiếp tục gấp rút chuẩn bị về mọi mặt, tổng động viên toàn dân tham gia kháng chiến. Sức mạnh toàn dân tộc được phát huy cao độ. Để hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị để chuyển mạnh sang tổng phản công, quân dân ta tổ chức đấu tranh quân sự trên khắp các chiến trường. Tháng 6-1950, Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch Biên Giới Thu - Đông 1950 nhằm phá thế bị bao vây, tạo thời cơ thuận lợi nối cách mạng Việt Nam với thế giới. Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi, mở ra thời cơ, bước ngoặt cơ bản cho cuộc kháng chiến.

Tiểu kết chương 2

Giai đoạn 1945-1950 là giai đoạn Việt Nam phải tự lực cánh sinh, chiến đấu trong vòng vây, chưa được tổ chức, quốc gia dân tộc nào công nhận, mọi nỗ lực vẫn hồi hoà bình, thiện chí hợp tác của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam cuối cùng cũng không ngăn được dã tâm quay trở lại xâm lược của thực dân Pháp. Vì hoà bình, độc lập thực sự, vì tự do của nhân dân, Việt Nam buộc phải đứng lên cầm súng kháng chiến khi đất nước đang “ngàn cân treo sợi tóc”. Song bằng sự lãnh đạo tài tình của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, nỗ lực của toàn quân, toàn dân, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sát thực tiễn, cuộc kháng chiến đã từng bước vượt qua khó khăn, giành được những thắng lợi quan trọng, làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, tạo bước ngoặt cho cuộc kháng chiến, buộc thực dân Pháp không thể tiến hành theo kế hoạch đã định.

Chương 3: ĐẢNG NHẬN THỨC VÀ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN THỜI CƠ KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN GIAI ĐOẠN 1951-1954

3.1. NHẬN THỨC VÀ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG QUÂN SỰ ĐỂ TẠO THỜI CƠ GIAI ĐOẠN 1951 - 1953

3.1.1. Bối cảnh tình hình sau chiến dịch Biên Giới Thu - Đông 1950

Sau Chiến dịch Biên Giới Thu - Đông 1950, cuộc kháng chiến có bước ngoặt lớn, ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. Tháng 2-1951, Đảng tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II tại Chiêm Hóa - Tuyên Quang, quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau thất bại Biên Giới, quân Pháp lâm vào tình thế khó khăn. Tâm lý chán nản, lo lắng không chỉ diễn ra trong quân đội viễn chinh mà còn xuất hiện cả trong chính giới Pháp. Để theo đuổi cuộc chiến và đối phó với tình hình đã trở nên bất lợi, giới cầm quyền hiếu chiến Pháp buộc phải chấp nhận ngày càng phụ thuộc vào Mỹ nhằm cứu vãn tình thế, mặc dù họ thừa hiểu tính hai mặt của vấn đề, song đây là sự lựa chọn không thể khác được.

3.1.2. Đảng nhận thức thời cơ và đẩy mạnh các hoạt động quân sự, phát triển quyền chủ động trên chiến trường

Phát huy thời cơ sau thắng lợi Chiến dịch Biên Giới năm 1950, ta chủ trương đẩy mạnh các hoạt động quân sự, phát huy quyền chủ động trên chiến trường và liên tiếp mở 3 chiến dịch lớn tiến công địch trên phòng tuyến trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Tuy nhiên, các chiến dịch trên không đạt mục đích chiến lược, bộc lộ nhiều khuyết điểm về chỉ đạo, tổ chức và thực hành.

Cuối năm 1951, Đờ Lát chuyển ý đồ tấn công ra Hòa Bình, coi đây là đòn quân sự quyết định giành lại thế chủ động trên chiến trường. Ngày 24-11-1950, Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị số 22/CTTW về *Nhiệm vụ phá tan cuộc tấn công Hòa Bình của địch*. Chiến dịch Hòa Bình chính thức mở màn từ 10-12-1951, kéo dài đến 27-1-1952 và giành thắng lợi. Sau thắng lợi Chiến dịch Hòa Bình, nhận rõ sở trường tác chiến của bộ đội là khu vực rừng núi, Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh chủ trương chủ động tiến công địch ở Tây Bắc và giành thắng lợi từ 10-10-1952 đến 10-12-1952.

Sau thắng lợi chiến dịch Hòa Bình và chiến dịch Tây Bắc, Đảng chủ trương đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động quân sự nhằm tiếp tục phát triển quyền chủ động về chiến lược, ngày càng hiện thực hóa thời cơ kết thúc chiến tranh. Thực hiện chủ trương của Đảng, một mặt ta chủ trương phối

hợp với quân giải phóng Pa thết Lào mở Chiến dịch Thượng Lào, đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích trên cả nước. Chiến dịch Thượng Lào diễn ra từ 8-4-1953 đến 13-5-1953 và giành thắng lợi to lớn, càng khẳng định quyền chủ động chiến lược của ta không chỉ trên chiến trường Bắc Bộ mà mở rộng ra cả chiến trường Bắc Đông Dương. Thắng lợi quân sự quan trọng này càng mở ra cơ hội để kết thúc chiến tranh.

3.2. ĐẢNG NHẬN THỨC THỜI CƠ VÀ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG QUÂN SỰ NHẪM KẾT THÚC CHIẾN TRANH (1953 - 1954)

Những thắng lợi của cuộc kháng chiến trong những năm 1952 - 1953, đã làm thay đổi cơ bản cục diện chiến tranh theo hướng có lợi cho Việt Nam. Cuối năm 1953, Trung ương Đảng nhận định đây là thời cơ để ta tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quân sự nhằm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Đầu tháng 12-1953, do sự biến chuyển trên chiến trường, cả ta và Pháp đều quyết định chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược trong Đông - Xuân 1953 - 1954. Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, bộ đội chủ lực phối hợp với quân giải phóng Pa thết Lào mở Chiến dịch Trung Lào, Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Thượng Lào từng bước làm thay đổi tương quan lực lượng, tạo thời cơ kết thúc chiến tranh.

Phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường, ta quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra từ 13-3-1954 đến 7-5-1954. Qua 56 ngày đêm chiến đấu anh dũng cùng với sự phối hợp trên tất cả các mặt trận, bộ đội ta đã giành thắng lợi hoàn toàn. Trong toàn chiến dịch, ta đã tiêu diệt và bắt làm tù binh 16.200 tên địch, thu toàn bộ vũ khí, kho tàng của địch.

3.3. ĐẢNG NHẬN THỨC VÀ LÃNH ĐẠO PHỐI HỢP ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO VỚI ĐẤU TRANH QUÂN SỰ TẠO THỜI CƠ KẾT THÚC CHIẾN TRANH

Những thắng lợi của quân dân Việt Nam cuối năm 1952, đầu năm 1953, cục diện chiến tranh nghiêng hẳn về phía có lợi cho Việt Nam. Sau hơn 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp lâm vào tình trạng khủng hoảng cả về chính trị, kinh tế và đã buộc phải chủ trương tìm giải pháp thương lượng để kết thúc chiến tranh. Trong bối cảnh đó, Đảng và Chính phủ ta chủ trương mở cuộc tiến công trên mặt trận ngoại giao kết hợp với các hoạt động quân sự trong Đông - Xuân 1953 - 1954, kết hợp ngoại giao với quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Theo gợi ý của Liên Xô, từ 21-1-1954 đến 18-2-1954, Hội nghị bốn nước lớn gồm Anh, Pháp, Mỹ và Liên Xô được tổ chức tại Béc lin (Đức) để giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế còn tồn tại. Hội nghị đã thỏa thuận nhiều vấn đề, trong đó có việc triệu tập Hội nghị tại Giơ ne vơ vào 26-4-

1954 thảo luận về vấn đề Triều Tiên và sau đó, từ 8-5-1954 sẽ bàn về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Nhận thức đầy đủ về thời cơ kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, giành thắng lợi quân sự quyết định làm điều kiện cho đấu tranh ngoại giao, từ Thu - Đông 1953, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định sâu sắc thế chiến lược, đánh giá đúng so sánh lực lượng giữa ta và địch và khẳng định thời cơ giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến đã xuất hiện. Để thực hiện thời cơ, trong Đông - Xuân 1953 - 1954, ta đã mở cuộc tấn công chiến lược trên nhiều hướng, nhiều chiến trường từ Bắc Bộ, Tây Nguyên, Trung Lào, Thượng Lào... và tiêu biểu là Chiến dịch Điện Biên Phủ (bắt đầu từ 13-3-1954 và kết thúc hoàn toàn thắng lợi vào 7-5-1954). Đây là thắng lợi quân sự to lớn, có ý nghĩa chiến lược, làm sụp đổ hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp. Thắng lợi quân sự tại Điện Biên Phủ là điều kiện căn bản cho ta để đàm phán, ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, kết thúc chiến tranh.

Tiểu kết chương 3

Sau thắng lợi Chiến dịch Biên giới Thu - Đông năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam bước sang giai đoạn mới, giai đoạn chúng ta giành được thế chủ động về chiến lược trên chiến trường chính, đẩy thực dân Pháp vào thế phong ngư, bị động. Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc kháng chiến cùng với những tác động từ tình hình thế giới, đặc biệt là sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần của Trung Quốc, Liên Xô và các nước anh em càng mở ra cơ hội mới cho cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương. Bên cạnh đó, sự can thiệp ngày càng sâu hơn của đế quốc Mỹ vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp khiến cho cuộc kháng chiến trở nên gay go, phức tạp hơn. Phân tích tình hình thế giới, tình hình cuộc kháng chiến, tương quan lực lượng giữa ta và địch sau Chiến dịch Biên Giới, Đảng nhận định cuộc trường kỳ kháng chiến đã chuyển sang giai đoạn chuẩn bị Tổng phản công và nhất định sẽ thắng lợi, Đảng chủ trương phát triển quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường, đẩy mạnh các hoạt động quân sự nhằm tạo thời cơ kết thúc cuộc kháng chiến. Sang năm 1953, sau hơn 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược với những thất bại liên tiếp, thực dân Pháp buộc phải tính đến giải pháp đàm phán kết thúc chiến tranh. Nhận rõ thời cơ kết thúc cuộc kháng chiến, một mặt, Trung ương Đảng lãnh đạo đẩy mạnh hoạt động quân sự, giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến, một mặt nhận thức rõ thời cơ, lãnh đạo kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao kết thúc chiến tranh. Thắng lợi lịch sử Điện Biên Phủ và việc ký kết Hiệp định

Giờ ne vơ kết thúc chiến tranh là kết quả của quá trình nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ của Đảng trong giai đoạn 1951-1954.

Chương 4: NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT

4.1.1. Về nhận thức và chủ trương của Đảng để thực hiện thời cơ

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, Đảng luôn căn cứ vào tình hình thực tiễn để nhận thức thời cơ và đề ra chủ trương phù hợp.

Căn cứ vào thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn là một trong những cơ sở quan trọng hàng đầu đối với quá trình Đảng nhận thức, đề ra và chỉ đạo thực hiện chủ trương tranh thủ thực hiện thời cơ trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hai là, Đảng chủ trương kết hợp các hình thức đấu tranh để làm xuất hiện thời cơ.

Những năm 1945 - 1946, khi nhận thấy có thời cơ để kéo dài khả năng hoà hoãn, tránh chiến tranh lan rộng, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương kết hợp kháng chiến và kiến quốc, vừa kết hợp đấu tranh quân sự, ngoại giao để chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ, vừa tranh thủ đẩy mạnh hoạt động kiến quốc ở miền Bắc nhằm xây dựng thực lực mọi mặt để sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến nếu không thể tránh khỏi. Chủ trương kết hợp các hình thức đấu tranh để tạo ra thời cơ, tranh thủ thực hiện thời cơ của Đảng còn thể hiện khá rõ trong những năm 1946-1949, trong việc chủ động giúp đỡ cách mạng Trung Quốc, mở rộng quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô, chủ động mở chiến dịch Biên Giới... Đến năm 1953-1954, khi nhận thấy khả năng có thể đàm phán để sớm kết thúc chiến tranh, Đảng chủ trương đẩy mạnh hoạt động quân sự để giành thắng lợi quyết định, hỗ trợ cho đàm phán ngoại giao, mặt trận đánh - đàm được kết hợp chặt chẽ, hiệu quả.

Ba là, Đảng chủ trương thiết lập quan hệ ngoại giao phá thế bị bao vây, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế.

Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong điều kiện hết sức khó khăn, đặc biệt là trong những năm đầu ở thế bị bao vây, cô lập, chưa được các nước công nhận và cùng lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù. Trước tình thế đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thức được vai trò quan trọng của sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ quốc tế. Trong suốt cuộc kháng chiến, Đảng luôn đề ra chủ trương và thực hiện những hoạt động đối ngoại tích cực nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, phá thế bị bao vây.

4.1.1.2. Hạn chế

Một là, Đảng chưa có sự nhận thức đầy đủ về bối cảnh quốc tế và ý đồ của các nước lớn như Mỹ, Liên Xô để kịp thời có những chủ trương hiệu quả trong chỉ đạo thực hiện thời cơ.

Điều này thể hiện ở giai đoạn sau Chiến tranh Thế giới thứ hai Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng nỗ lực, tìm mọi cách, tận dụng mọi cơ hội có thể để tìm kiếm sự công nhận, ủng hộ của Liên Xô, Mỹ, các lực lượng dân chủ trên thế giới... nhưng đều không đạt được kết quả và năm 1949, khi cách mạng Trung Quốc đang phát triển thuận lợi, Đảng nhận thấy chiều hướng quân Giải phóng Trung Quốc sẽ giành thắng lợi và nhận định khả năng quân Giải phóng Trung Quốc sẽ tiến xuống biên giới Việt - Trung và giúp Việt Nam giải phóng, cao hơn nữa là nhận định kháng chiến đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn tổng phản công, vì thế chủ trương tổng động viên nhân vật lực, tích cực chuẩn bị mọi mặt để tổng phản công với tinh thần quyết tâm “tất cả để chiến thắng”. Tiếp đó, đến Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về vấn đề Đông Dương, Đảng chưa có nhận thức, đánh giá và hiểu biết đầy đủ về tình hình quốc tế, sự tính toán của các nước lớn, nhất là trong mối quan hệ, mục tiêu của Trung Quốc đối với Việt Nam và đối với việc tham dự Hội nghị Giơnevơ...

Hai là, Đảng chưa thực sự linh hoạt, nhạy bén trong chủ trương thực hiện thời cơ khi tình hình đã thay đổi.

Sau thắng lợi to lớn ở Biên Giới Thu - Đông 1950, Đảng nhận thức thời cơ cho một cuộc phản công, tiến công đã xuất hiện, nên đã quyết định mở 3 chiến dịch liên tiếp đánh vào trung du và đồng bằng Bắc Bộ vào nửa đầu năm 1951. Tuy nhiên, các chiến dịch trên không đạt mục tiêu đề ra, không những thế còn bị tổn thất lớn. Đó là do nhận định tình hình, thời cơ, đánh giá cao khả năng tác chiến của bộ đội ta, đánh giá thấp sức mạnh và sự chống trả của kẻ thù. Sự kiện này thể hiện rõ sự chủ quan, duy ý chí trong đánh giá và chỉ đạo thực hiện thời cơ của Đảng. Đồng thời, việc mở liên tiếp 3 chiến dịch đánh vào trung du, đồng bằng trong giai đoạn này thể hiện sự thiếu linh hoạt, nhạy bén trong thực hiện thời cơ của Đảng khi tình hình đã thay đổi.

4.1.2. Về chỉ đạo của Đảng để thực hiện thời cơ

4.1.2.1. Ưu điểm

Một là, Đảng đã chỉ đạo nỗ lực thực hiện những nhận thức về thời cơ.

Trên cơ sở nhận định, phân tích tình hình, dự báo xu thế, chiều hướng sẽ xảy ra của cuộc chiến tranh, trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh có những chỉ đạo cụ thể để tranh thủ thực hiện mọi thời cơ.

Hai là, chỉ đạo kết hợp các hoạt động để tạo ra thời cơ.

Suốt giai đoạn 1945-1949, Việt Nam phải tự mình đương đầu với kẻ địch mạnh hơn gấp nhiều lần, chiến đấu trong vòng vây. Tuy nhiên, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã xác định cụ thể nội dung đường lối kháng chiến toàn diện. Các thắng lợi quân sự trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947; việc chủ trương tích cực, sẵn sàng giúp cách mạng Trung Quốc (từ năm 1946 đến năm 1949); Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ động, bí mật thực hiện chuyến đi Trung Quốc, Liên Xô vào đầu năm 1950 và giành được sự công nhận và ủng hộ về vật chất, tinh thần của quốc tế; việc chủ động mở và giành thắng lợi trong chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950... đặc biệt là quyết tâm giành thắng lợi tại Điện Biên Phủ để tạo lợi thế trên bàn đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ... là minh chứng sinh động cho việc Đảng chỉ đạo kết hợp mọi mặt đấu tranh để thực hiện thời cơ và tạo ra thời cơ thuận lợi cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn.

4.1.2.2. Hạn chế trong chỉ đạo một số nhiệm vụ cụ thể

Thứ nhất, là hạn chế trong chỉ đạo về mặt quân sự.

Năm 1949, khi cách mạng Trung Quốc có khả năng giành thắng lợi, Đảng nhận định thời cơ cách mạng thuận lợi đã tới nên đã đốt cháy giai đoạn, chủ trương chỉ đạo chuẩn bị chuyển cuộc kháng chiến từ giai đoạn cầm cự, giằng co, từng bước chuyển hóa lực lượng có lợi cho ta sang giai đoạn phản công và tiến công, chỉ đạo mọi ngành, mọi cấp, mọi giới... tích cực chuẩn bị cho mục tiêu này. Sau thắng lợi của chiến dịch Biên Giới 1950, Đảng chủ trương và chỉ đạo mở hướng tiến công địch trên phòng tuyến trung du, đồng bằng, chúng ta đều không giành được thắng lợi như mong muốn, không đạt được mục tiêu đề ra.

Thứ hai, hạn chế trong chỉ đạo về mặt ngoại giao.

Ngay khi mới thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã khẳng định chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác, tranh thủ sự công nhận, ủng hộ, giúp đỡ quốc tế, đặc biệt thể hiện rõ mong muốn, thiện chí hoà bình, hợp tác với Pháp. Tuy nhiên, trong suốt chín năm trường kỳ kháng chiến, cũng có những lúc, những thời điểm sự chỉ đạo của Đảng về công tác ngoại giao chưa hiệu quả.

4.1.3. Về kết quả Đảng chỉ đạo thực hiện thời cơ

Một là, giành được sự công nhận quốc tế, giành được thế chủ động trên chiến trường.

Những năm 1945-1949, dù phải chiến đấu trong muôn vàn khó khăn, gian khổ, nhưng trước sau Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn kiên trì nỗ lực đấu tranh ngoại giao, phá vỡ thế bị bao vây, cô lập phải một mình kháng chiến của Việt Nam, mở ra thế, thời thuận lợi cho cuộc kháng chiến. Tình hình thế giới 1953-1954 có nhiều biến động, Đảng đến nhận định thời cơ thuận lợi để kết thúc chiến tranh đang đến gần. Tập trung mọi nỗ lực, thực hiện thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ để hỗ trợ cho đàm phán ngoại giao kết thúc chiến tranh tại Gionevơ. Đó là kết của quá trình Đảng nhận định và chỉ đạo tranh thủ thực hiện thời cơ đưa cách mạng tiến lên giành thắng lợi.

Hai là, nỗ lực thực hiện thời cơ nhưng không đạt được mục tiêu đề ra do thực lực và điều kiện khách quan hạn chế.

Thời điểm 1945-1946, tình hình thế giới, thực tế nội bộ nước Pháp và sự thiếu thống nhất trong giới tướng lĩnh, Chính phủ Pháp về vấn đề trở lại Đông Dương, Việt Nam. Nhận thấy những khả năng có thể ngăn chặn chiến tranh bùng nổ, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nỗ lực thực hiện đường lối đối ngoại hoà bình hợp tác, bằng mọi cách, mọi con đường có thể song, ta chỉ kéo dài được thời gian hoà hoãn, ngăn chặn chiến tranh sớm lan ra toàn quốc chứ không tránh được chiến tranh nổ ra.

Tại Hội nghị Gionevơ năm 1954, trong bối cảnh mối quan hệ, quyết sách của các nước lớn tham dự đều tính đến lợi ích riêng của quốc gia dân tộc, dù phái đoàn của Việt Nam đã rất kiên trì, mềm dẻo đấu tranh đòi những quyền lợi chính đáng cho Tổ quốc, cho lực lượng cách mạng, cho quyền lợi của đất nước Campuchia, Lào, nhưng không đạt được kết quả vẹn tròn như mong muốn, vẫn phải chấp nhận có sự nhân nhượng nhất định để đạt được mục tiêu lâu dài.

Ba là, không đạt được mục tiêu đề ra do nhận thức sai thời cơ.

Năm 1949, khi cách mạng Trung Quốc trên đà thắng lợi, Đảng chủ trương tập trung mọi nguồn lực, kể cả tổng động viên nhân vật lực để chuẩn bị cho tổng phản công, tạo ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến. Nhưng thực tế cho thấy điều kiện quốc tế, thực lực kháng chiến của Việt Nam lúc đó chưa đáp ứng để thực hiện tổng phản công. Tiếp đó, sau thắng lợi của chiến dịch Biên giới năm 1950, Đảng quyết định mở liên tiếp ba chiến dịch đánh vào trung du, đồng bằng nhưng kết quả cả ba chiến dịch đó đều không đạt được mục tiêu đề ra.

4.2. KINH NGHIỆM

4.2.1. Kinh nghiệm về chủ trương của Đảng để thực hiện thời cơ

Muốn nhận thức được thời cơ phải dựa vào thực tế của cuộc kháng chiến, phải hiểu rõ bạn, thù; nhạy bén trong nhận thức tình hình và đề ra chủ trương.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra cần có chủ trương, đường lối đúng. Chủ trương, đường lối chỉ đúng khi nó bắt nguồn từ thực tiễn, nhận thức, phản ánh đúng thực tiễn. Nhận thức được thời cơ, dựa vào thực tiễn, hiểu rõ bạn - thù, nhạy bén trong nhận định tình hình để đề ra chủ trương là một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng đối với quá trình hoạch định đường lối kháng chiến của Đảng. Kinh nghiệm đó được minh chứng trong từng thời điểm cụ thể của cuộc kháng chiến.

4.2.2. Kinh nghiệm về chỉ đạo thực hiện thời cơ

Một là, chỉ đạo chủ động thực hiện thời cơ và tạo ra thời cơ.

Về chỉ đạo chủ động thực hiện thời cơ - quá trình nắm bắt, thực hiện các thời cơ cụ thể do các điều kiện khách quan đem lại: Giai đoạn 1945-1946, tình hình thực tế chưa xảy ra chiến tranh trên phạm vi cả nước, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích cực, chủ động chỉ đạo thực hiện hiệu quả hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Từ cuối năm 1953 sang năm 1954, thời cơ thuận lợi để có thể kết thúc cuộc kháng chiến bằng một giải pháp hoà bình xuất hiện, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời nắm bắt, chỉ đạo tập trung mọi cố gắng, đặc biệt là những cố gắng trên mặt trận quân sự, để hỗ trợ cho đấu tranh ngoại giao.

Về chỉ đạo tạo ra thời cơ đó là quá trình Đảng nhận thức, dự báo tình hình, phân tích đâu là khả năng có thể đưa đến thời cơ thuận lợi, từ đó có sự tác động, tập trung chỉ đạo để làm xuất hiện thời cơ, tạo ra thời cơ thuận lợi và nắm bắt, thực hiện nó. Sự thành công của quá trình này cơ bản phụ thuộc vào trí tuệ, bản lĩnh, sự nhận thức đúng đắn, sáng suốt và nhạy bén của Đảng.

Hai là, chỉ đạo kết hợp các mặt đấu tranh để tạo thời cơ.

Xuất phát từ bối cảnh, tình hình thực tiễn, so sánh thực lực giữa Việt Nam và thực dân Pháp, ta chỉ có thể giành thắng lợi cuối cùng khi biết huy động sức mạnh tổng hợp, kết hợp các hình thức đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... đến ngoại giao, quân sự để kịp thời nắm bắt thời cơ, tạo ra thời cơ và tranh thủ thực hiện thời cơ. Tiêu biểu là sự kết hợp giữa đấu tranh ngoại giao với đấu tranh quân sự, giữa kháng chiến với kiến quốc. Thời điểm 1953-1954, mặt trận đánh - đàm mở ra, Đảng chỉ đạo quyết tâm cao nhất giành thắng lợi quyết định trên chiến trường Điện Biên Phủ tạo lợi thế cho quá trình đàm phán, thương lượng tại Hội nghị Giơnevơ đạt mục tiêu giành hoà bình, độc lập, kết thúc chiến tranh.

Ba là, phải tận dụng được thời cơ có lợi cho cách mạng.

Năm 1945-1946, Đảng đề ra những chủ trương, quyết sách ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt, đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng cùng lúc phải đối đầu với nhiều lực lượng kẻ thù, duy trì được khoảng thời gian hoà bình quý giá, là thời cơ thuận lợi để xây dựng thực lực, để sau đó tập trung đối phó với thực dân Pháp. Năm 1949, sau khi cách mạng Trung Quốc thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm bắt lấy cơ hội, chủ động bí mật đi Trung Quốc, Liên Xô và đã giành được sự công nhận, ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc, tạo thời cơ thuận lợi cho cuộc kháng chiến những năm tiếp theo. Đặc biệt, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 thắng lợi và kết quả của Hội nghị Giơnevơ là hiện thực sinh động cho việc tận dụng thời cơ, tạo thuận lợi sớm kết thúc chiến tranh.

Tiểu kết chương 4

Với Việt Nam, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đó là cuộc chiến tranh mà nhân dân ta buộc phải tiến hành, là con đường duy nhất để bảo vệ nền hoà bình, độc lập thực sự. Thắng lợi của cuộc kháng chiến là tổng hợp của các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Thực tế sinh động của cuộc kháng chiến khẳng định sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, là nhân tố có vai trò quyết định quan trọng, trực tiếp. Trong đó, việc nhận thức và chỉ đạo tranh thủ thực hiện thời cơ là một hoạt động quan trọng xuyên suốt quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến của Đảng. Quá trình đó để lại nhiều kinh nghiệm quý báu, có ý nghĩa lịch sử, thực tiễn như: cơ sở để đề ra chủ trương, đường lối đúng; quá trình nhận định thời cơ và chỉ đạo thực hiện thời cơ; chủ động tạo thời cơ và đón thời cơ; hiểu rõ bạn - thù, mối quan hệ quốc tế... để từng bước đưa cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn. Những kinh nghiệm đó vẫn nguyên giá trị thực tiễn trong công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước hôm nay.

KẾT LUẬN

Chiến tranh là hình thức cao nhất và cuối cùng nhằm giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng không thể điều hoà được giữa các bên để đi đến thiết lập một quan hệ mới mà các bên có thể chấp nhận được. Bởi thế, với bất cứ bên nào của cuộc chiến, muốn đạt đến thắng lợi cuối cùng đều cần có sự tập trung tổng lực, toàn diện cho cuộc chiến ở các cấp độ khác nhau trên cơ sở thực lực của bản thân và sức mạnh của đối phương. Việt Nam phải tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đương đầu với một thế lực thực dân hùng mạnh hơn gấp nhiều lần, vì thế, để thắng được trong cuộc chiến tranh đó, Việt Nam cần có đầy đủ các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”. Có rất nhiều nguyên nhân đưa đến thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống thực

dân Pháp (1945-1954), trong đó việc Đảng nhận thức và lãnh đạo thực hiện thời cơ trong suốt quá trình kháng chiến là một trong những nguyên nhân có vai trò quyết định quan trọng. Nhận thức là một quá trình và nhận thức đúng hay sai chịu sự chi phối chủ yếu bởi quá trình phân tích, đánh giá tình hình. Thực tiễn cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phản ánh sinh động quá trình nhận thức về thời cơ và sự kịp thời bổ sung, hoạch định chiến lược, chỉ đạo thực hiện thời cơ của Đảng, từng bước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Đây là cuộc kháng chiến mà nhân dân Việt Nam buộc phải tiến hành để bảo vệ quyền độc lập, tự do chính đáng và thực hiện khát vọng hoà bình của mình. Vì thế, những năm 1945-1946, ngay sau khi đất nước được độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, trên cơ sở nhận định thực lực của cách mạng, phân tích tình hình thế giới, nội tình nước Pháp đối với mục tiêu thiết lập lại quyền thống trị ở Đông Dương, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy có những khả năng giải quyết cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp bằng biện pháp hòa bình, nên đã không ngừng nỗ lực lãnh đạo thực hiện thời cơ đã xuất hiện trong thực tế. Các Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc; Tình hình và chủ trương; Hoà để tiến và nhiều hoạt động cụ thể như xây dựng thực lực kháng chiến, tranh thủ thái độ của Anh, Mỹ, Liên Xô, Liên hiệp quốc... của Đảng là những minh chứng cụ thể. Tuy nhiên những nỗ lực, cố gắng của Việt Nam không được thực dân Pháp thừa nhận. Trước thực tế quan hệ Pháp - Việt ngày càng căng thẳng, âm mưu, thủ đoạn xâm lược Việt Nam ngày càng lộ rõ, với nhận thức chiến tranh khó có thể tránh được, trước sau gì cũng sẽ xảy ra, thời cơ để trì hoãn, giải quyết những căng thẳng trong mối quan hệ Pháp - Việt bằng thương lượng hoà bình không còn nữa, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động phát động cuộc kháng chiến toàn quốc, chủ động nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến. Đó là sự chủ động để tạo ra thời cơ, cơ hội nhằm giành quyền chủ động bước vào cuộc kháng chiến khi thế, lực của ta còn yếu hơn đối phương, từ đó giành tâm thế chủ động để từng bước chuyển hoá cuộc kháng chiến có lợi cho mình.

Nhận thức nói chung và nhận thức về thời cơ nói riêng luôn thay đổi theo tình hình thế giới và thực tiễn cuộc chiến tranh. Thời cơ được xét trên hai phương diện đó là thời cơ có sẵn, do các điều kiện khách quan, chủ quan đem lại và các thời cơ do ta chủ động tạo ra khi nhận thấy xu thế khách quan thuận lợi. Những năm 1946 - 1949 là giai đoạn cuộc kháng chiến phải tiến hành trong “vòng vây”, vì thế, trên cơ sở nhận thức về tình hình thực tiễn, xu thế phát triển của cuộc kháng chiến và những thời cơ thuận lợi có thể đến, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động tranh thủ mọi khả năng có

thể để tạo ra thời cơ: chủ động, quyết tâm “phá cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp”, giành thắng lợi trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu - Đông 1947, tạo sự chuyển biến cho cuộc kháng chiến, làm thất bại âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài và ta dần chuyển hoá, xây dựng lực lượng; chủ động, cố gắng giúp cách mạng Trung Quốc vì nhận định cách mạng Trung Quốc nếu thắng lợi sẽ mở ra cơ hội để cách mạng Việt Nam liên lạc với thế giới... Đến năm 1950, khi nhận thấy điều kiện quốc tế có những thuận lợi, Đảng chủ động mở và quyết tâm giành thắng lợi trong Chiến dịch Biên Giới 1950 để “phá vây” và chuyển cuộc kháng chiến sang một giai đoạn mới... Hàng loạt các sự kiện sau đó như chủ động đẩy mạnh các chiến dịch quân sự; chủ động chỉ đạo kết hợp đấu tranh ngoại giao với quân sự... giai đoạn 1951-1954, tiếp tục minh chứng quá trình nhận thức thời cơ của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chín năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp đã thể hiện sinh động quá trình nhận thức về thời cơ, chỉ đạo thực hiện thời cơ của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh quốc tế biến động phức tạp, nắm hiểu âm mưu, hành động xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp, nhận thức, chủ trương của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn cho thấy thiện chí vì hoà bình, tránh chiến tranh, đồng thời cho thấy quyết tâm sắt đá, dùng sức mạnh chính nghĩa để bảo vệ hoà bình, độc lập, tự do của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Đến nay, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (kể từ ngày 23-9-1945 đến ngày 21-7-1954) của nhân dân Việt Nam (còn gọi chiến tranh Đông Dương) vẫn là đề tài thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu. Đã có nhiều các cuộc hội thảo, công trình nghiên cứu đề cập, làm rõ các vấn đề xung quanh cuộc chiến tranh ở các góc nhìn, tiếp cận khác nhau. Song, từ những tài liệu, công trình, bài viết, luận án, luận văn thu thập được ở trong nước và nước ngoài, bằng cách tiếp cận vấn đề của mình, tác giả luận án đã bước đầu cố gắng làm rõ quá trình nhận thức về thời cơ và lãnh đạo thực hiện thời cơ của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, khẳng định rõ chủ trương, quan điểm của Đảng đối với cuộc chiến tranh buộc phải thực hiện để bảo vệ độc lập dân tộc và nỗ lực tránh cuộc chiến tranh của Việt Nam cũng như sự nhận thức đúng đắn của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thời cơ và chỉ đạo thực hiện thời cơ đã góp phần quan trọng vào thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến.